

Quảng Trị là tỉnh thuộc vùng Bắc Trung bộ, địa hình vừa có vùng miền núi; vùng trung du, gò đồi vừa có vùng đồng bằng ven biển. Miền núi tỉnh Quảng Trị có diện tích 313.675 ha, với 47 xã, thị trấn và dân số miền núi tính đến đầu năm 2010 là 32.480 hộ, 147.717 khẩu, trong đó có 6.920 hộ nghèo (chiếm 21,3%); đồng bào dân tộc thiểu số có 14.391 hộ, 72.287 khẩu; thuộc địa bàn của 2 huyện miền núi Hướng Hóa, Đakrông và một số xã miền

trong những năm qua, tỉnh Quảng Trị đã thực hiện chương trình này đạt được những kết quả nhất định, góp phần không nhỏ vào công cuộc xóa đói giảm nghèo của tỉnh nhà, cụ thể:

Đã giúp cho 27.299 lượt hộ nghèo có điều kiện tiếp cận kiến thức sản xuất mới thông qua dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất với nhiều nội dung hỗ trợ như: Đã tổ chức được 245 lớp bồi dưỡng, tập huấn và truyền nghề sản xuất về khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, khuyến công

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH 135 GIAI ĐOẠN II Ở TỈNH QUẢNG TRỊ

Ths. Lê Thu Huyền

P.Trưởng Khoa Xây dựng Đảng

núi ở các huyện Cam Lộ, Gio Linh, Vĩnh Linh. Trong đó có 20 xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số: Bru - Vân Kiều, Tà Ôi (Pacô), Hoa, Mường, Tày, Thái, Cà Tu, Ba Na, Ê Đê, Nùng, Stiêng, Xêđăng, Dao.

Sau khi kết thúc chương trình 135 giai đoạn I, tỉnh Quảng Trị được Chính phủ tiếp tục phê duyệt chương trình 135 giai đoạn II. Mặc dù việc triển khai thực hiện chương trình 135 trên địa bàn tỉnh còn gặp nhiều khó khăn song nhìn chung

cho 13.742 lượt người tham gia. Đã xây dựng được 643 mô hình sản xuất trồng trọt (lúa, sản nguyên liệu, lạc), chăn nuôi (bò, dê, lợn sinh sản, lợn F1) và các mô hình nuôi cá nước ngọt mang lại hiệu quả cao. Hỗ trợ mua sắm trang thiết bị, máy móc, công cụ chế biến bảo quản sản phẩm sau thu hoạch. Dự án góp phần phát triển sản xuất, đảm bảo an ninh lương thực, giúp nhiều hộ thoát nghèo vươn lên làm giàu. Mặt khác dự án cũng đã nâng cao kỹ năng và xây dựng tập quán sản

xuất mới, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng thu nhập. Năm 2010, thu nhập bình quân đầu người của vùng dân tộc và miền núi ước đạt 4,5 triệu đồng/người/năm, vùng đặc biệt khó khăn ước đạt 3,5 triệu đồng/người/năm.

Cơ sở hạ tầng được đầu tư toàn diện với 95.575 triệu đồng đã xây dựng được 222 công trình. Đến nay có 100% số xã đã có đường giao thông về đến trung tâm; 100% xã có trạm y tế; phần lớn các thôn bản có nhà sinh hoạt cộng đồng; 100% các xã có công trình thủy lợi nhỏ, 100% xã có điện lưới quốc gia đến trung tâm xã, các trường học đều được xây dựng kiên cố và 100% các xã có trường tiểu học, 75% các xã có trường trung học cơ sở.

Các lớp tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng đã nâng cao được nhận thức cho cán bộ xã, thôn và cộng đồng. Đã đào tạo 24 lớp cho 2.597 lượt cán bộ thôn, xã; 4 lớp cho 150 lượt cán bộ xã đủ năng lực quản lý và làm chủ đầu tư. Một số lớp tập huấn có tổ chức cho học viên tham quan học tập kinh nghiệm các mô hình làm ăn giỏi tại các địa phương trong và ngoài tỉnh. Những kết quả đó đã tác động tích cực đến việc phát triển kinh tế, xã hội tại các xã đặc biệt khó khăn, đời sống văn hóa xã hội của đồng bào dân tộc thiểu số được cải thiện hơn trước, đặc biệt là nâng cao được năng lực điều hành tổ chức thực

hiện của đội ngũ cán bộ xã, thôn; góp phần thúc đẩy kinh tế, xã hội miền núi phát triển.

Thực hiện các chính sách hỗ trợ các dịch vụ, cải thiện và nâng cao đời sống nhân dân, trợ giúp pháp lý để nâng cao nhận thức pháp luật. Một số nội dung quan trọng, thiết thực đối với đồng bào được tuyên truyền và trợ giúp như tìm hiểu về Luật Hôn nhân và gia đình, Luật Đất đai, Luật Bình đẳng giới; hướng dẫn cho người dân chứng thực, đăng ký làm hộ tịch... Chính sách hỗ trợ học sinh con hộ nghèo đi học đã góp phần tăng tỷ lệ huy động trẻ em trong độ tuổi đến trường, chính sách cải thiện vệ sinh môi trường đã góp phần giúp bà con có cuộc sống hợp vệ sinh, sạch đẹp bản làng. Đời sống văn hoá - xã hội của người dân trong vùng đã chuyển biến tích cực.

Để có được những kết quả trên trong những năm qua Tỉnh đã triển khai đồng bộ các giải pháp:

Đẩy mạnh việc thực hiện phân cấp quản lý về cho xã, thực hiện các văn bản hướng dẫn của Trung ương về tăng cường phân cấp cho UBND xã làm chủ đầu tư. Trên cơ sở đó, tùy theo năng lực của từng xã các huyện có kế hoạch phân giao làm chủ đầu tư các dự án thành phần. Giai đoạn 2007-2008, toàn tỉnh có 20/27 làm chủ đầu tư dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng và 11/27

xã làm chủ đầu tư dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất; giai đoạn 2009-2010, toàn tỉnh có 22/27 làm chủ đầu tư dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng và 19/20 xã làm chủ đầu tư dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất. Ngoài ngân sách Trung ương hỗ trợ, trong quá trình triển khai thực hiện từ 2006-2010, UBND các huyện đã huy động được sự đóng góp của người dân bằng ngày công lao động để tạo công ăn việc làm cho nhân dân trong vùng dự án theo nguyên tắc “Xã có công trình, dân có việc làm” như phát tuyến, vận chuyển cát sạn, đào móng...với giá trị ngày công là 301,5 triệu đồng.

Thực hiện nguyên tắc dân chủ công khai và sự tham gia của nhân dân, công tác xây dựng, triển khai thực hiện kế hoạch đều thực hiện công khai lấy ý kiến từ cơ sở để nhân dân biết và tham gia như: công khai các nội dung, hạng mục công trình, nguồn vốn đầu tư trên phạm vi xã thôn. Trên cơ sở đó xã, thôn họp dân để xét chọn công trình, thứ tự ưu tiên đầu tư..., tổng hợp báo cáo UBND xã trình UBND huyện phê duyệt. Công tác giám sát ở cơ sở cũng đã được phát huy. Các dự án thành phần triển khai ở địa phương được Ban Giám sát xã và Giám sát cộng đồng theo dõi chặt chẽ, phản ánh thông tin kịp thời cho các ngành chức năng. Công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách tại địa phương thực hiện tốt, nhân

dân hiểu và tích cực tham gia chương trình. Công tác quản lý, chỉ đạo thực hiện Chương trình được thực hiện tích cực từ cấp tỉnh đến cấp cơ sở. UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo Chương trình 135 đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo trên cơ sở cụ thể hoá các văn bản hướng dẫn của Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương. Ban Dân tộc-Cơ quan thường trực Chương trình 135 tỉnh đã làm tốt công tác tham mưu cho Ban Chỉ đạo Chương trình 135, UBND tỉnh trong việc hướng dẫn về công tác tổ chức, tổng hợp kết quả thực hiện, kiểm tra giám sát các dự án thành phần. UBND các huyện làm tốt việc phân cấp xã làm chủ đầu tư dự án thành phần, ngày càng nhiều xã làm chủ đầu tư phù hợp với yêu cầu của chương trình đã tạo sự đồng thuận, thống nhất và sát hợp hơn với tình hình thực tế và nhu cầu của người dân; tăng cường được trách nhiệm quản lý, giám sát của chính quyền và các đoàn thể ở địa phương; từng bước nâng cao trình độ về quản lý xây dựng công trình cho cán bộ cơ sở. Ban Quản lý dự án, Ban Giám sát xã đã thực hiện tốt chức năng quản lý, giám sát các hoạt động Chương trình trên địa bàn.

Bên cạnh những kết quả đạt được, còn nhiều tồn tại đặt ra trong quá trình thực hiện chương trình này. Mặc dù đã được cấp ủy, chính quyền và các ban ngành, đoàn thể các cấp quan tâm chỉ đạo, hướng dẫn, tuyên

truyền, vận động nhưng quá trình triển khai thực hiện Chương trình vẫn bộc lộ những hạn chế nhất định. Dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất - một dự án thực sự tác động trực tiếp vào hộ nghèo, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế cộng đồng nhưng thực hiện khá chậm do vướng mắc về các văn bản hướng dẫn của TW. Bên cạnh đó chất lượng lập, thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật chưa cao, chưa phân tích kỹ sự cần thiết phải đầu tư vào điều kiện thực tế ở địa phương để xác định nội dung đầu tư cho phù hợp.

Công tác quản lý, vận hành duy tu bảo dưỡng công trình sau khi nghiệm thu chưa được quan tâm đúng mức. Kinh phí hỗ trợ học sinh con hộ nghèo đi học phân bổ kinh phí không kịp thời, thường rơi vào thời điểm các em học sinh và giáo viên đã nghỉ hè nên quá trình rà soát đối tượng và cấp phát gặp rất nhiều khó khăn. Công tác phổ biến chính sách, tuyên truyền, huy động nguồn lực đóng góp nhìn chung đã được thực hiện tốt, nhân dân hiểu rõ và tham gia chương trình ngày càng nhiều. Tuy nhiên, người dân ở một số địa phương vẫn còn có tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước.

Tuy nhiên do chủ quan, khách quan mà chương trình 135 giai đoạn II có cái phát huy được, có cái gặp khó khăn

Về nguyên nhân chủ quan, các tồn tại trong công tác chỉ đạo điều hành đó là thiếu sự kết hợp của các Ban ngành, công tác chuẩn bị đầu tư kéo dài thời gian, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thực hiện chậm và một số nội dung hỗ trợ không phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Ngoài ra, do mức đầu tư thấp, địa bàn rộng, đối tượng hưởng lợi trình độ thấp; một số huyện thiếu chủ động đôn đốc các xã thực hiện dự án; cán bộ chỉ đạo triển khai thực hiện còn thiếu và năng lực còn hạn chế, nhất là ở cấp cơ sở; Sự phối hợp giữa các ngành, các địa phương thiếu đồng bộ; Quá trình chỉ đạo chưa năng động, sáng tạo nên chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế nhất là trong khâu lập dự toán, báo cáo kinh tế-kỹ thuật, một số nội dung hỗ trợ không phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương làm ảnh hưởng đến công tác xoá đói giảm nghèo và nâng cao đời sống nhân dân.

Về nguyên nhân khách quan, trình độ năng lực, kinh nghiệm quản lý, giám sát và chia sẻ thông tin về dự án của cán bộ cơ sở còn có mặt hạn chế, bên cạnh đó không có phòng chức năng giúp UBND các huyện thực hiện chương trình nên quá trình thực hiện còn nhiều khó khăn, đã ảnh hưởng đến kết quả chương trình. Một số văn bản của Trung ương chậm ban hành hoặc đã ban hành nhưng không sát với điều kiện thực tế địa phương. Một số hướng dẫn rườm rà, cứng nhắc, chi tiết dẫn đến triển khai thực

hiện còn nhiều vướng mắc. Giá cả thị trường có nhiều biến động nên ảnh hưởng đến tiến độ xây dựng dự án và làm giảm giá trị hỗ trợ cho người nghèo. Bên cạnh những thuận lợi, chương trình đầu tư trên địa bàn miền núi, dân cư phân bố không tập trung, địa hình và giao thông phức tạp, thường xuyên xảy ra thiên tai gây khó khăn cho công tác triển khai.

Trong thời gian tới để thực hiện chương trình 135 giai đoạn II ở tỉnh Quảng Trị đạt những kết quả cao hơn, cần thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

Một là, các Sở, Ban ngành, UBND các huyện, xã phải quán triệt và tập trung lãnh đạo, chỉ đạo coi chương trình là nhiệm vụ trọng tâm trong Chương trình hành động của ngành, địa phương mình. Tăng cường hơn nữa công tác phối hợp chỉ đạo từ các Sở, ban ngành, đoàn thể đến UBND các huyện, xã nhằm thực hiện tốt, có hiệu quả các Chương trình, chính sách dân tộc của Đảng và nhà nước góp phần ổn định kinh tế-xã hội, nâng cao đời sống cho đồng bào vùng dân tộc thiểu số và miền núi Quảng Trị.

Hai là, các địa phương, đặc biệt là UBND các xã cần phải tuyên truyền các chính sách của Đảng, nhà nước đến với người dân. Xã hội hóa việc thực hiện Chương trình phải gắn liền với công tác tuyên truyền, vận động nhằm có được sự đồng thuận trong các tầng lớp nhân dân; làm cho người dân hiểu rõ tầm quan

trọng, tính nhân văn của các chính sách, chương trình dự án, để phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện tốt, có hiệu quả các chính sách đầu tư trên địa bàn.

Ba là, phải có cơ chế quản lý đơn giản, dễ thực hiện; tăng cường phân cấp và kịp thời điều chỉnh cơ chế cho phù hợp với điều kiện địa bàn; nêu cao vai trò của cơ sở; phát huy tính công khai, dân chủ; phát huy sự tham gia của đông đảo nhân dân, của cộng đồng và các tổ chức xã hội để tạo nên sức mạnh tổng hợp.

Bốn là, chú trọng công tác kiểm tra, thanh tra để quản lý chất lượng công trình, hiệu quả vốn hỗ trợ đầu tư.

Chương trình 135 giai đoạn II thực hiện đầu tư trên các xã và thôn bản đặc biệt khó khăn thuộc các xã khu vực II từ năm 2006 đến nay với nhiều dự án thành phần. Qua 5 năm thực hiện, chương trình đã góp phần tạo chuyển biến lớn trong đời sống, sản xuất, trong phát triển kinh tế - xã hội. Cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn một cách bền vững, giảm khoảng cách phát triển giữa các vùng trên địa bàn. Với tiến độ thực hiện cùng với những kết quả đạt được trong 5 năm qua, hy vọng tỉnh Quảng Trị sẽ sớm hoàn thành lộ trình đã xây dựng, góp phần vào mục tiêu chung của cả nước đối với chương trình này.